| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HOÀI ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **130**/2022/HNGĐ-ST;
Ngày 18 tháng 4 năm 2022;
*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Mạnh Khang;

Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 392/2021/TLST-DS ngày 21/12/2021, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST- HNGĐ ngày 30/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tạ Công Ph, sinh năm 1982. *Có mặt.*
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1983; *Vắng mặt.*

Cùng trú tại: Thôn ĐT, xã LP, huyện HĐ, TP. Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Tạ Công Ph trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Sau kết hôn, anh và chị An chung sống hòa thuận đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, chị A làm nghề nhưng không đem lại

kết quả, cuối năm thường báo lỗ, không giúp gì được cho gia đình, từ đó dẫn đến mâu thuẫn về tình cảm. Đầu tháng 7/2021, giữa anh và chị A tiếp tục xảy ra mâu thuẫn căng thẳng về làm ăn kinh tế, hai bên xảy ra xô xát. Chị A về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu tháng 12/2021, hai bên sống ly thân cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài, không giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Tạ Anh Kh, sinh ngày 27/01/2005 và Tạ Phương D, sinh ngày 02/7/2009, từ khi chị A đi khỏi nhà các con ở với anh. Nay ly hôn, anh mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con do hiện nay chị A không có công việc, không có chỗ ở ổn định mặt khác 2 con đều có nguyện vọng được ở với anh. Anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị A tự nguyện.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị A – là bị đơn trình bày:*

Chị đồng ý với trình bày của anh Ph về việc kết hôn, thời điểm mâu thuẫn. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, anh Ph cho rằng chị làm ăn không có hiệu quả, không mua sắm, không lo lắng gì cho gia đình. Khoảng tháng 6/2021, anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh Ph nhắn tin cho người phụ nữ khác, sau đó vợ chồng xảy ra xô xát, từ đó chị và anh Ph sống ly thân cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Ph nhưng không muốn ly hôn để các con ổn định tư tưởng và chị đồng ý ký ly hôn khi nào anh Ph và chị thỏa thuận xong về tài sản.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: Tạ Anh Kh, sinh ngày 27/01/2005 và Tạ Phương D, sinh ngày 02/7/2009. Từ khi chị đi khỏi nhà, các con ở với anh Ph. Nay ly hôn, chị đề nghị tòa giao cho chị nuôi dưỡng cháu D và tôn trọng ý kiến của các con muốn ở với ai cũng được, hiện chị không mang thai.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu Tòa án xem xét, chia tài sản chung vợ chồng gồm: 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2007 và 01 mái vảy tôn làm năm 2017 xây dựng trên đất của nhà chồng.

Về nợ chung: Không có.

** Tại Bản trình bày ý kiến, cháu Tạ Anh Kh và cháu Tạ Phương D cùng trình bày*: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, các cháu muốn ở cùng bố.

** Tại Biên bản làm việc ngày 14/3/2022, UBND xã LP cung cấp*: Thời điểm kết hôn, quá trình chung sống, về con chung phù hợp với lời khai của anh Ph và chị A. UBND xã không nắm được về tài sản chung, công nợ chung của anh Ph và chị A.

** Tại văn bản số 06/YC-VKS-DS ngày 25/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức*: Yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu chia tài sản của bị đơn.

*** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

*1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự:* Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*2. Về nội dung*:

- Về hôn nhân: Xét tình trạng hôn nhân giữa anh Ph và chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Ph được ly hôn chị A;

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Ph, giao anh Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, ghi nhận sự tự nguyện của anh Ph không yêu cầu chị A cấp dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị A tự nguyện.

- Về tài sản chung:Giành quyền khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung cho các đương sự bằng vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc anh Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

**-** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng***:*

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung là quan hệ "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn huyện Hoài Đức, căn cứ

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã thông báo hợp lệ cho chị A việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị A đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị A đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ nơi ở mới của chị A cho Tòa án đây là việc tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên Tòa án thực hiện việc tống đạt văn bản bằng hình thức niêm yết tại gia đình nơi cư trú cuối cùng của chị A và trụ sở UBND xã nơi chị A đăng ký Hộ khẩu thường trú là phù hợp với quy định tại Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung:**

*1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Ph và chị A kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Sau kết hôn, anh Ph và chị A chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm làm ăn kinh tế dẫn đến mâu thuẫn về tình cảm. Tháng 6/2021, anh Ph và chị A mâu thuẫn căng thẳng do chị A nghi ngờ anh Ph ngoại tình, hai bên xảy ra cãi nhau, xô xát. Chị A đi khỏi nhà anh Ph và hai bên sống ly thân đến nay. Anh Ph và chị A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên chị A không đồng ý ly hôn vì nhiều lý do (vì không muốn gia đình tan vỡ, ảnh hưởng đến các con; muốn thỏa thuận xong tài sản thì đồng ý ly hôn...).

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A thừa nhận tình cảm vợ chồng với anh Ph không còn, nhưng không muốn ly hôn với anh Ph bởi vì chị chưa thỏa thuận được tài sản chung và không muốn gia đình tan vỡ sợ ảnh hưởng đến các con. Mặc dù không muốn ly hôn nhưng chị A không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị A đến Tòa để hòa giải nhưng chị A đã không có mặt. Nên Tòa án có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh Ph và chị A đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là giải pháp tốt nhất cho các thành viên trong gia đình. Vì vậy, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp

nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ph, xử cho anh Ph được ly hôn chị An là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

* *Về con chung*: Anh Ph và chị A có 02 con chung Tạ Anh Kh, sinh ngày 27/01/2005 và Tạ Phương D, sinh ngày 02/7/2009.

Nay ly hôn, anh Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, còn chị A yêu cầu tôn trọng ý kiến của các con. Xét thấy, từ thời điểm chị A đi khỏi nhà, cháu Kh và cháu D có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cùng anh Ph, mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng anh Ph, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Ph, giao cháu Kh và D cho anh Ph trực tiếp trông năm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Ph tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị A tự thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

* *Về tài sản chung, nợ chung:*

- Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án này, quan điểm của anh Ph là không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

- Chị A có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm các công trình xây dựng gắn liền với đất. Xét thấy, tại Đơn yêu cầu chia tài sản ngày 10/01/2022 của chị A, các văn bản khác và trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng không thể hiện chị A yêu cầu chia tài sản ở vị trí cụ thể nào. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu chị A cung cấp tài liệu, chứng cứ về yêu cầu chia tài sản của mình, hết thời hạn thông báo theo quy định, chị A không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định tại Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời chị A không có văn bản yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập, tài liệu chứng cứ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự, không nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị A và dành quyền khởi kiện vụ án về chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho chị A khi chị A có yêu cầu và phù hợp theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí**: Anh Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

**4. Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ**:

*- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;*

*- Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,*

Xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Công Ph.**

- Xử anh Tạ Công Ph được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

- ***Về con chung***: Giao cháu Tạ Anh Kh, sinh ngày 27/01/2005 và cháu Tạ Phương D, sinh ngày 02/7/2009 cho anh Tạ Công Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ph không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị A tự thực hiện.

Chị Nguyễn Thị A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung***: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Dành quyền khởi kiện vụ án về chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho chị Nguyễn Thị A khi chị A có yêu cầu và phù hợp các quy định của pháp luật.

**2. Về án phí:** Anh Tạ Công Ph phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2019/00015422 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Anh Tạ Công Ph có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hà Nội;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- UBND xã LP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Kim Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**